TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/DS-PT
Ngày: 20/5/2020.
V/v:Tranh chấp chia di sản thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Bùi Đăng Huy**
Các Thẩm phán: Ông**Vũ Thanh Tuấn**
Bà**Phạm Thị Khánh Thiện**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Minh Hiền** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà **Đàm Thị Hạnh** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số10/2020/TLPT-DSngày 03/02/2020 vềTranh chấp chia di sản thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số17/2019/DS-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2020/QĐ-PT ngày 28/02/2020; Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 42/2020/TB-TA ngày 10/3/2020; Thông báo mở lại phiên tòa số 80/2020/TB-TA ngày 20/4/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/QĐ-PTngày 11/5/2020giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà**Vũ Thị T**, sinh năm 1933.
Địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương.Vắng mặt.
2. Bị đơn: Ông **Vũ Bá T1**, sinh năm 1935.
Địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
3.1. Ông **Vũ Bá B**, sinh năm 1941.
Địa chỉ: phường D, thành phố H, tỉnh N. Vắng mặt.
3.2. Bà**Vũ Thị N**, sinh năm 1953.
Địa chỉ: thành phố D, tỉnh Hải Dương.Có mặt.
3.3. Bà**Mạc Thị M**, sinh năm 1950.
Địa chỉ: phường C, quận Q, thành phố P. Vắng mặt.
3.4. Anh **Vũ Bá H**, sinh năm 1983.
Địa chỉ: phường C, quận Q, thành phố P. Vắng mặt.
3.5. Bà**Vũ Thị S**, sinh năm 1956.
Địa chỉ: phường B, thành phố H, tỉnh N. Vắng mặt.
3.6. Chị **Bùi Thị H1**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

3.7. Anh **Vũ Bá D**, sinh năm 1965.

Sinh quán: Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương (đã chết ngày 04/11/2019).

4. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng, quyền và nghĩa vụ dân sự của anh **Vũ Bá D**: **Chị Bùi Thị H1**, sinh năm 1965. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương;

5. Người đại diện theo ủy quyền của **Bà Vũ Thị T, ông Vũ Bá B, bà Vũ Thị S, bà Vũ Thị N, bà Mạc Thị M**: Anh **Nguyễn Đăng M1**, sinh năm 1963. Địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

6. Người đại diện theo ủy quyền của bà **Vũ Thị S**: Chị **Phạm Thị H2**, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

7. Người kháng cáo:

7.1.Bà Vũ Thị T - Nguyên đơn;

7.2. Bà Vũ Thị N - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hải Dương, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Nguyên đơn Bà Vũ Thị T; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn là ông Vũ Bá B, bà Vũ Thị N, bà Vũ Thị S, bà Mạc Thị M (do anh Nguyễn Đăng M1 là người đại diện); người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị S là chị Phạm Thị H2 trình bày: Cụ Vũ Bá A, cụ Vũ Thị D1 (tên gọi khác là R) là vợ chồng, sinh được sáu người con gồm Bà Vũ Thị T; ông Vũ Bá T1; ông Vũ Bá B; bà Vũ Thị N; bà Vũ Thị S và ông Vũ Bá C. Ngoài những người nói trên thì cụ A, cụ D1 không có người con nào khác. Ông C chết ngày 18/10/2001, có vợ là bà Mạc Thị M và có hai người con là anh Vũ Bá H3 (anh H3 chết ngày 30/5/20106 không có vợ, con), anh Vũ Bá H. Ngoài hai người con là anh H3, anh H; ông C không còn có người con nào khác.

Năm 1975 Cụ A chết, không có tài sản, không để lại di chúc. Sau khi Cụ A chết, Cụ D1 tạo lập được khối tài sản là thửa đất số 122, tờ bản đồ số 06 diện tích 1240m^2 (trong đó có 300m^2 đất ở, 55m^2 đất trồng cây lâu năm, 885m^2 đất vườn hợp pháp); thửa đất số 121 tờ bản đồ số 06 diện tích 112m^2 đất mặt nước nuôi trồng thủy sản (hai thửa đất này cùng nằm trong khuôn viên một mảnh đất) tại xóm 5, Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương. Hai thửa đất này đã được UBND huyện H, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 06/11/2002, mang tên cụ Vũ Thị D1. Kể từ khi Cụ D1 chết năm 2003 thì không có ai quản lý, trông coi thửa đất nói trên, để hoang hóa. Ngoài hai thửa đất đã nêu ở trên, Cụ D1 có 529m^2 đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (đất trồng lúa), được địa phương giao (theo Nghị quyết 03 của Tỉnh ủy H, Quyết định 721 năm 1993 của UBND tỉnh H), gồm 306m^2 tại thửa số 8/6, tờ bản đồ số 2CT ở xứ đồng Tổ C; 115m^2 tại thửa số 111/5, tờ bản đồ số 4DC ở xứ đồng S; 108m^2 tại thửa số 183/2, tờ bản đồ số 3DC ở xứ đồng C (còn gọi là Văn C) ở xóm 5, Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương và được UBND huyện T cũ (nay là UBND huyện H), tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20/8/1996, mang tên cụ Vũ Thị D1 . Hiện tại diện tích đất nông nghiệp trồng cây hàng năm

của Cụ D1, do vợ chồng anh Vũ Bá D, chị Bùi Thị H1 (là cháu nội, cháu dâu của Cụ D1) quản lý, sử dụng. Ngày 14/8/2003 Cụ D1 chết, không để lại di chúc. Sau khi Cụ D1 chết, do những người thuộc diện được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật của Cụ D1, không thống nhất được việc chia di sản thừa kế. Vì vậy, Bà T khởi kiện đề nghị chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất của Cụ D1 để lại theo hiện trạng mà Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định; đề nghị chia bằng hiện vật là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 121, 122 tờ bản đồ số 06 Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương, sau khi trích một phần diện tích đất để làm ngõ đi chung. Về tài sản trên các thửa đất do giá trị tài sản đã hết khấu hao, giá trị không đáng kể, nên bà T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, không yêu cầu ghi nhận và xác định nếu đường ranh giới chia đất theo kỷ phần thừa kế của ai chùm sang kỷ phần đất đã chia của người khác, thì người đó phải tự tháo dỡ, phá bỏ để trả lại đất cho bên kia (tạo thành đường ranh giới của các thửa đất). Về đất nông nghiệp trồng cây hàng năm do vợ chồng anh D, Chị H1 quản lý, sử dụng; bà T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn, đề nghị được trực tiếp sử dụng và giao cho bà Vũ Thị N quản lý, sử dụng. Bà N có trách nhiệm chia trả kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế còn lại của Cụ D1, bằng tiền. Ngoài những nội dung trên bà T, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn, không đề nghị giải quyết thêm nội dung nào khác.

Tại biên bản lấy lời khai, các tài liệu điều tra thu thập được trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Vũ Bá T1 trình bày: Về quan hệ gia đình, thời điểm cụ Vũ Bá A, cụ Vũ Thị D1 (là bố mẹ ông), ông Vũ Bá C (là em trai ông) chết, cũng như một phần khối tài sản là di sản của Cụ D1 để lại; diện và hàng thừa kế như nguyên đơn Bà Vũ Thị T, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn trình bày là đúng. Nay bà T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của Cụ D1 theo pháp luật, ông nhất trí. Đối với thửa đất số 121, 122 tờ bản đồ số 06 Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương, ông T1 đề nghị chia bằng hiện vật là quyền sử dụng đất; về tài sản trên đất ông không yêu cầu giải quyết, không yêu cầu ghi nhận. Về đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (đất trồng lúa) như phía nguyên đơn trình bày ở trên hiện do anh D, Chị H1 (là con trai, con dâu của ông) quản lý, sử dụng. Ông T1 đề nghị đối với 306m^2 đất tại thửa số 8/6, tờ bản đồ số 2CT và 115m^2 đất tại thửa số thửa 111/5, tờ bản đồ số 4DC, địa chỉ Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương, giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với 108m^2 đất tại thửa số 183/2, tờ bản đồ số 3DC ở xứ đồng Tờ C (còn gọi là Văn C), địa chỉ Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương, ông T1 đề nghị xem xét làm rõ nguồn gốc, nếu diện tích đất đó là của ông, thì tuyên trả lại cho ông. Đối với tài sản gắn liền trên các thửa đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, ông không yêu cầu giải quyết. Ngoài nội dung trên ông T1 không đề nghị giải quyết thêm nội dung nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mạc Thị M trình bày: Bà nhất trí với lời trình bày của nguyên đơn Bà Vũ Thị T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn. Bà M là vợ của ông Vũ Bá C nhưng ông C đã chết vào ngày 18/10/2001; bà và ông C có hai người con là anh Vũ Bá H3 (chết ngày 30/5/2006; anh H3 không có vợ, con), anh Vũ Bá H. Hiện tại anh H

không có mặt tại nơi cư trú, anh H đi đâu, làm gì bà không rõ. Bà T khởi kiện chia khối di sản thừa kế của Cụ D1 để lại theo pháp luật, bà đồng ý. Đối với kỷ phần thừa kế của ông C, do ông C đã chết, nên anh H3, anh H là những người thừa kế thế vị, nhưng anh H3 cũng đã chết vào năm 2006 (chết sau ông C), nên kỷ phần thừa kế của ông C, anh H3, bà M đề nghị được chia thừa kế và quản lý, sở hữu chung với anh Vũ Bá H. Hiện tại anh H vắng mặt tại nơi cư trú, không rõ địa chỉ cụ thể ở đâu, nên bà M đề nghị Tòa án không phải giải quyết phần được hưởng di sản thừa kế của anh H. Sau này anh H về mẹ con bà tự thỏa thuận với nhau, nếu có tranh chấp, bà đề nghị giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Tại biên bản lấy lời khai, các tài liệu điều tra thu thập được trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Vũ Bá D (anh D đã chết vào ngày 04/11/2019), chị Bùi Thị H1 đều trình bày: Diện tích đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, gồm 306m^2 đất thuộc thửa số 8/6, tờ bản đồ số 2CT ở xứ đồng Tổ C; 115m^2 đất thuộc thửa số 111/5, tờ bản đồ số 4DC ở xứ đồng Quán S thuộc Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương là tài sản của cụ Vũ Thị D1 để lại, được nhà nước giao theo tiêu chuẩn. Khi Cụ D1 còn sống đã cho vợ chồng anh chị, nhưng không có văn bản giấy tờ. Nay Bà T khởi kiện chia di sản thừa kế trong đó có diện tích đất tại hai thửa đất nông nghiệp trồng cây hàng năm nói trên; anh D, Chị H1lồi xác định đây là tài sản của anh, chị vìCụ D1 đã cho, nên không phải là di sản thừa kế. Đối với diện tích đất nông nghiệp trồng cây hàng năm là thửa đất số 183/2, tờ bản đồ số 3DC, diện tích 108m^2 ở xứ đồng Tờ C (còn gọi là Văn C) là đất của ông T1 (là bố đẻ, bố chồng). Hiện tại các thửa đất nông nghiệp trồng cây hàng năm này anh D, Chị H1lồi là người trực tiếp quản lý, sử dụng. Quá trình quản lý, khai thác, duy tu, tôn tạo, sử dụng cũng như tài sản trên các thửa đất nông nghiệp trồng cây hàng năm này, anh D, Chị H1, không yêu cầu Tòa án giải quyết và xác định các con của mình không liên quan gì đến các thửa đất nông nghiệp nói trên.

Người làm chứng ông Vũ Bá K trình bày: Công nhận toàn bộ các thửa đất như nguyên đơn Bà Vũ Thị T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn trình bày là di sản thừa kế của cụ Vũ Thị D1 để lại. Đối với thửa đất số 121, 122 tờ bản đồ số 06 Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương, do nằm liền kề, tiếp giáp với phần đất ở của gia đình ông, nên ông Khanh xác định từ khi Cụ D1 chết vào năm 2003 cho đến nay để hoang hóa, không có ai trông coi, quản lý, sử dụng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương đã áp dụng các Điều 611, 623, 649, 650, 651, 660 và các Điều 254, 357, 468 của Bộ luật Dân sự.Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 100 của Luật đất đai.Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25/11/2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phíTòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của Bà Vũ Thị T và các đồng thời kế của cụ Vũ Thị D1 .

2. Xác định diện tích 1252m^{2}đất nằm tại thửa đất số 122 và diện tích 115m^2 đất nằm tại thửa đất số 121 đều thuộc tờ bản đồ số 06 Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương có trị giá là 642.100.000 đồng (626.000.000 đồng + 16.100.000 đồng) và các thửa đất nông nghiệp có số thửa là 8/6 tờ bản đồ số 2CT diện tích 306m^2 ở xứ đồng Tổ C; thửa đất số 111/5 tờ bản đồ số 4DC diện tích 115m^2 ở xứ đồng Quán S; thửa đất số 183/2 tờ bản đồ số 3DC diện tích 108m^2 ở xứ đồng Tờ C (tên gọi khác là Văn C), đều có địa chỉ tại Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương, có giá trị là 74.060.000 đồng, là di sản thừa kế của cụ Vũ Thị D1 . Tổng giá trị tài sản của cụ Vũ Thị D1 là 716.160.000 đồng.

3. Trích diện tích 34m^2 đất, trị giá 17.000.000 đồng, thuộc thửa đất số 122 tờ bản đồ số 06 Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương, có kích thước, hình thể ký hiệu như hình vẽ C1-D-E-E3-C7-C6-C5-C4-C3 làm ngõ đi chung cho các đồng thừa kế của cụ Vũ Thị D1 .

Tổng giá trị di sản thừa kế, theo pháp luật của cụ Vũ Thị D1 để lại là **699.160.000** đồng.Mỗi một kỷ phần thừa kế của cụ Vũ Thị D1 , được hưởng là **116.527.000** đồng (đã làm tròn số).

4. Chia di sản thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế của cụ Vũ Thị D1 như sau:

4.1 Chia cho ông Vũ Bá T1 được quyền sử dụng 182m^2 đất nằm tại thửa đất số 121, 122 tờ bản đồ số 06 Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương (trong đó có 146m^2 đất nằm tại thửa đất số 121 và 36m^2 đất nằm tại thửa đất số 121 tờ bản đồ số 06). Phần đất của ông Vũ Bá T1 được chia có kích thước, hình thể ký hiệu như hình vẽ A1-A2-A3-A4-A5-A6-A7-A8-A9, trị giá là 78.040.000 đồng và giá trị 88,16m^2 đất nông nghiệp trồng cây hàng năm trị giá là 12.343.333 đồng. Giá trị di sản thừa kế của ông Vũ Bá T1 được hưởng là **90.383.500** đồng (đã làm tròn số).

4.2 Chia cho Bà Vũ Thị T được quyền sử dụng 192m^2 đất nằm tại thửa đất số 121, 122 tờ bản đồ số 06 Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương (trong đó có 124m^2 đất nằm tại thửa đất số 122 và 68m^2 đất nằm tại thửa đất số 121 tờ bản đồ số 06). Phần đất của Bà Vũ Thị T được chia có kích thước, hình thể ký hiệu như hình vẽ A9-A8-B3-B trị giá là 71.520.000 đồng và giá trị 88,16m^2 đất nông nghiệp trồng cây hàng năm trị giá là 12.343.333 đồng. Giá trị di sản thừa kế của Bà Vũ Thị T được hưởng là **83.863.500** đồng (đã làm tròn số).

4.3 Chia cho bà Mạc Thị M và anh Vũ Bá H được hưởng chung quyền sử dụng 191m^2 đất nằm tại thửa đất số 121, 122 tờ bản đồ số 06 Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương (trong đó có 180m^2 đất nằm tại thửa đất số 122 và 11m^2 đất nằm tại thửa đất số 121 tờ bản đồ số 06). Phần đất của bà Mạc Thị M, anh Vũ Bá H được chia có kích thước, hình thể ký hiệu như hình vẽ B-B1-B2-B3-C2-C, trị giá là 91.540.000 đồng và 88,16m^2 đất nông nghiệp trồng cây hàng năm trị giá là 12.343.333 đồng. Giá giá trị di sản thừa kế của bà Mạc Thị M và anh Vũ Bá H được hưởng là **103.883.500** đồng (đã làm tròn số).

4.4 Chia cho bà Vũ Thị N được hưởng 187m^2 đất nằm tại thửa đất số 122 tờ bản đồ số 06 Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương. Phần đất của bà Vũ

Thị N được chia có kích thước, hình thể ký hiệu như hình vẽ C-C2- D1-D có trị giá là 93.500.000 đồng và trị giá 88,16m^2 đất nông nghiệp trồng cây hàng năm trị giá là 12.343.333 đồng. Giá trị di sản thừa kế của bà Vũ Thị N được hưởng là **105.843.500** đồng (đã làm tròn số).

4.5 Chia cho bà Vũ Thị S được hưởng 184m^2 đất nằm tại thửa đất số 122 tờ bản đồ số 06 Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương. Phần đất của bà Vũ Thị S được chia có kích thước, hình thể ký hiệu như hình vẽ D-D1-E2-E trị giá là 92.000.000 đồng và giá trị 88,16m^2 đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trị giá là 12.343.333 đồng. Tổng giá trị di sản thừa kế của bà Vũ Thị S được hưởng là **104.343.500** đồng (đã làm tròn số).

4.6 Chia cho ông Vũ Bá B được hưởng 397m^2 đất nằm tại thửa đất số 122 tờ bản đồ số 06 Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương. Phần đất của ông Vũ Bá B được chia có kích thước hình thể ký hiệu như hình vẽ E-E2-E17-E16-E15-E14-E13-E12-E11-E10-E9-E8-E7-E6-E5-E4-E3 trị giá là 198.500.000 đồng và trị giá 88,16m^2 đất nông nghiệp trồng cây hàng năm là 12.343.333 đồng. Tổng giá trị di sản thừa kế ông Vũ Bá B được hưởng là **210.843.500** đồng (đã làm tròn số).

Ông Vũ Bá T1, Bà Vũ Thị T, bà Mạc Thị M-anh Vũ Bá H; bà Vũ Thị N, bà Vũ Thị S, ông Vũ Bá B có trách nhiệm, nghĩa vụ tự mở lối đi vào phần đất được chia di sản thừa kế và có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục về sử dụng đất, phải chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật trong quá trình sử dụng bất động sản được chia. Đối với phần đất được chia như trên, trong quá trình chia di sản thừa kế nếu phần tài sản nào liên quan (trùm) sang phần đất đã chia cho các bên đương sự, thì bên được chia phải tự thay đổi kết cấu để trả lại phần lưu không cho phía bên còn lại. Mọi tài sản khác mà các bên đương sự không đề nghị giải quyết và cây cối thuộc phần đất của ai người đó được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng. Nếu đường ranh giới các thửa đất được chia phạm vào đất của ai thì người đó phải tự tháo dỡ, phá bỏ tài sản để tạo ranh giới hai thửa đất.

(Có sơ đồ cụ thể kèm theo).

5. Về chia trả chênh lệch giá trị tài sản.

Ông Vũ Bá B có trách nhiệm, nghĩa vụ chia trả chênh lệnh giá trị tài sản sang cho ông Vũ Bá T1 số tiền là **26.143.500** đồng; Bà Vũ Thị T số tiền là **32.663.500** đồng; bà Mạc Thị M, anh Vũ Bá H số tiền là **12.643.500** đồng; bà Vũ Thị N số tiền là **10.683.500** đồng; bà Vũ Thị S số tiền là **12.183.500** đồng (đều đã làm tròn số).

6. Giao cho chị Bùi Thị H1 tiếp tục quản lý, sử dụng các thửa đất nông nghiệp số 8/6, tờ bản đồ số 2CT diện tích 306m^2 ở xứ đồng Tổ C; thửa đất số 111/5, tờ bản đồ số 4DC diện tích 115m^2, ở xứ đồng Quán S; thửa đất số 183/2, tờ bản đồ số 3DC diện tích 108m^2, ở xứ đồng Tờ C (tên gọi khác là Văn C). Địa chỉ tại Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương.

7. Buộc chị Bùi Thị H1 phải có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán trả lại di sản thừa kế tính giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế của cụ Vũ Thị D1 là Bà Vũ Thị T, ông Vũ Bá T1, ông Vũ Bá B, bà Vũ Thị N, bà Vũ Thị S và bà Mạc Thị M, anh Vũ Bá H được hưởng chung một suất thừa kế của ông Vũ Bá C. Mỗi

một suất được hưởng di sản thừa kế, chị Bùi Thị H1 phải có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán trả là **12.343.500** đồng (đã làm tròn số).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất trên số tiền chậm thi hành cho đến khi thi hành xong. Mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/11/2019, Bà T và bà N có đơn kháng cáo, Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 19/11/2019 của TAND huyện H, tỉnh Hải Dương về phần đất nông nghiệp trồng cây hàng năm như sau: Giao các thửa đất nông nghiệp trồng cây hàng năm số 8/6, tờ bản đồ số 2CT diện tích 306m^2; thửa đất số 111/5, tờ bản đồ số 4DC diện tích 115m^2; thửa đất số 183/2, tờ bản đồ 3DC diện tích 108m^2 đều ở Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương, là di sản thừa kế của cụ Vũ Thị D1 , cho phía nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn trực tiếp sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà N và ông M có mặt, những người liên quan vắng mặt. Chị Bùi Thị H1 mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ tuy nhiên vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Hải Dương đề nghị xét xử vắng mặt Chị H1.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân thủ pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự tham gia phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của Bà T và bà N, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

- Kháng cáo của Bà T và bà N trong thời hạn quy định tại Điều 273 BLTTDS nên là kháng cáo hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Xét kháng cáo của Bà T và bà N thì thấy:

Bà Vũ Thị T sinh năm 1933 và bà Vũ Thị N sinh năm 1953 đều là người cao tuổi (trên 60 tuổi), đã già yếu, hết tuổi lao động, cư trú tại nhiều địa phương khác nhau, vì vậy những đương sự này không có nhu cầu bức thiết về việc sử dụng đất nông nghiệp trồng cây hàng năm. Nếu có chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất nông nghiệp trồng cây hàng năm cho những người nói trên thì những đương sự này cũng không thể trực tiếp sử dụng, canh tác đất nông nghiệp được, gây lãng phí tài nguyên đất. Tại phiên tòa sơ thẩm, Bà T và bà N đều xác định thực tế không có nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp. Tuy nhiên do thái độ cư

xử của gia đình Chị H1 không đúng mực nên Bà T và bà N vẫn muốn nhận bằng hiện vật, còn sau này sử dụng hay không sử dụng đất là quyền của Bà T và bà N.

Về phía UBND xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương xác định: Diện tích đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, gồm 306m^2 đất thuộc thửa số 8/6, tờ bản đồ số 2CT ở xứ đồng Tổ C; 115m^2 đất thuộc thửa số 111/5, tờ bản đồ số 4DC ở xứ đồng Quán S thuộc Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương; 108m^2 tại thửa số 183/2, tờ bản đồ số 3DC ở xứ đồng Tờ C (còn gọi là Văn C) ở xóm 5, Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương và được UBND huyện T cũ (nay là UBND huyện H), tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20/8/1996, mang tên cụ Vũ Thị D1 là tài sản của cụ Vũ Thị D1 để lại, được nhà nước giao theo tiêu chuẩn. Tuy nhiên người trực tiếp quản lý, sử dụng là ông Vũ Bá T1, anh Vũ Bá D và chị Bùi Thị H1 lại từ chối chỉ địa điểm, vị trí, kích thước 03 thửa đất trên nên chính quyền địa phương không thể xác định được hiện tại 03 thửa đất này nằm tại vị trí nào vì quá trình biến đổi theo dồn ô đổi thửa đất hoặc giữa vợ chồng anh D Chị H1 tự đổi ruộng cho những hộ liền kề để lấy vị trí thửa đất khác nhưng vẫn nằm trong cùng xứ đồng Quán S để thuận tiện cho canh tác vì vậy địa phương không thể biết chính xác về vị trí các thửa đất của Cụ D1 và không thể cung cấp cho cơ quan chức năng được.

Bản thân ông Phạm Công N1 là nguyên xóm trưởng xóm 5, Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương là người trước đây trực tiếp đo đất cho Cụ D1 cũng không thể chỉ được địa điểm, vị trí, kích thước 03 thửa đất trên.

Chị Bùi Thị H1 xác định được Cụ D1 giao đất cho để cấy ruộng, vợ chồng Chị H1 và anh D đã cấy lúa hơn hai mươi năm nay tại diện tích đất nông nghiệp này của Cụ D1. Trong quá trình sử dụng đất, vợ chồng Chị H1 anh D không làm biến động, không làm thay đổi gì so với hiện trạng đất được giao ban đầu của Cụ D1. Như vậy chị Bùi Thị H1 là người trực tiếp canh tác, sử dụng các thửa đất nông nghiệp của Cụ D1, nên việc cấp sơ thẩm giao cho chị Bùi Thị H1 sử dụng toàn bộ diện tích đất nông nghiệp trồng cây hàng năm của cụ Vũ Thị D1 , gồm các thửa đất số 8/6, tờ bản đồ số 2CT diện tích 306m^2 ở xứ đồng Tổ C; thửa đất số 111/5, tờ bản đồ số 4DC diện tích 115m^2, ở xứ đồng Quán S; thửa đất số 183/2, tờ bản đồ số 3DC diện tích 108m^2, ở xứ đồng Tờ C (tên gọi khác là Văn C) ở Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương,cấp phúc thẩm thấy rằng đã phù hợp với thực tế sử dụng, đúng pháp luật nên cần giữ nguyên.

Từ những phân tích trên thì thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Bà T và bà N, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Về án phí Miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm đối với Bà Vũ Thị T và bà Vũ Thị N theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí đối với đối với người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Bà Vũ Thị T và bà Vũ Thị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 19/11/2019của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương:

- Áp dụng cácĐiều 611, 623, 649, 650, 651, 660 và các Điều 254, 357, 468 của Bộ luật Dân sự.Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 100 của Luật đất đai.Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25/11/2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Giao cho chị Bùi Thị H1 tiếp tục quản lý, sử dụng các thửa đất nông nghiệp số 8/6, tờ bản đồ số 2CT diện tích 306m^2 ở xứ đồng Tổ C; thửa đất số 111/5, tờ bản đồ số 4DC diện tích 115m^2, ở xứ đồng Quán S; thửa đất số 183/2, tờ bản đồ số 3DC diện tích 108m^2, ở xứ đồng Tờ C (tên gọi khác là Văn C). Địa chỉ tại Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương.

- Buộc chị Bùi Thị H1 phải có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán trả lại di sản thừa kế tính giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế của cụ Vũ Thị D1 là Bà Vũ Thị T, ông Vũ Bá T1, ông Vũ Bá B, bà Vũ Thị N, bà Vũ Thị S, bà Mạc Thị M và anh Vũ Bá H được hưởng chung một suất thừa kế của ông Vũ Bá Chính. Mỗi một suất được hưởng di sản thừa kế, chị Bùi Thị H1 phải có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán trả là **12.343.500** đồng (đã làm tròn số).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất trên số tiền chậm thi hành cho đến khi thi hành xong. Mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí phúc thẩm: Miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm đối với Bà Vũ Thị T và bà Vũ Thị N.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 20/5/2020.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Thanh Hà;
- THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa Dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đăng Huy